HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM PHÚC KHẢO BÀI THI HỌC KỲ 2 - NĂM HỌC 2022-2023

ID	Họ và tên sinh viên	Mã sinh viên	Học phần phúc khảo	Điểm sau phúc khảo
1	ĐẬU THỊ MINH TÂM	2273240305	DHBC03 - Kịch bản truyền thông;	5.875
2	Đoàn Quang Huy	2073240566	DHBC06 - Sản xuất phim quảng cáo;	2
3	Kim Thuỷ Thuỳ Dương	2173240113	DHBC06 - Sản xuất phim quảng cáo;	5.25
4	Nguyễn Tú Dạ Thảo	2173231758	DHBC06 - Sản xuất phim quảng cáo;	5.75
5	Ngô Thị Thanh Bình	2173241828	DHBC06 - Sản xuất phim quảng cáo;	7.5
6	Nguyễn Tiên Dung	2273240010	DHBC14 - Kỹ thuật ghi hình;	2.5
7	Tạ Việt Dũng	2173241328	DHBC14 - Kỹ thuật ghi hình;	2
8	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	2073240612	DHBC21 - Chương trình và chiến dịch TT;	6.5
9	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	2073240612	DHBC25 - Biên tập tác phẩm báo chí;	6.75
10	Trần Thùy Trang	2073240992	DHBC25 - Biên tập tác phẩm báo chí;	3.5
11	Vũ Mạnh Hùng	2077610210	DHCI10 - CTXH trong phòng, chống BLGĐ;	2
12	Nguyễn Thị Kiều Trúc	2273100182	DHCT11 - Logic học đại cương;	1.5
13	Đỗ Thị Hương	2273410149	DHCT11 - Logic học đại cương;	0
14	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	2173411637	DHCT11 - Logic học đại cương;	1
15	Lê Thị Hằng	2273100185	DHCT11 - Logic học đại cương;	0
16	Hoàng Nhật Hà	2273410033	DHCT11 - Logic học đại cương;	0
17	Nguyễn Thị Thanh Hằng	2273410197	DHCT11 - Logic học đại cương;	6.5
18	Nguyễn Thị Mùi	2273410187	DHCT11 - Logic học đại cương;	2.5
19	Nguyễn Hà Khánh Linh	2273410159	DHCT11 - Logic học đại cương;	1
20	Đoàn Thị Linh Chi	2273100163	DHCT11 - Logic học đại cương;	2
21	Hoàng Thị Thanh Lam	2273100116	DHCT11 - Logic học đại cương;	1.5
22	Trần Ngọc Ánh	2273410169	DHCT11 - Logic học đại cương;	2
23	Nguyễn Công Hiếu	2173411712	DHCT14 - Kinh tế chính trị Mác - Lênin;	1
24	Nguyễn Tất Quang	2173810384	DHCT15 - Chủ nghĩa xã hội khoa học;	0
25	Phạm Minh Quân	2173240379	DHCT15 - Chủ nghĩa xã hội khoa học;	1.4
26	Phạm Thu Thuỷ	2173241664	DHCT15 - Chủ nghĩa xã hội khoa học;	3
27	Nguyễn Tú Dạ Thảo	2173241758	DHCT15 - Chủ nghĩa xã hội khoa học;	6
28	Vũ Phương Anh	2173411634	DHCT15 - Chủ nghĩa xã hội khoa học;	6.9
29	Phạm Trần Lan Nhi	2177610240	DHCT16 - Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam;	0
30	Lê Anh Tú	2173810956	DHCT16 - Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam;	3.65
31	Nguyễn Thị Minh Phượng	2173800627	DHCT16 - Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam;	8
32	Hà Huệ Chi	2073240633	DHCT17 - Tư tưởng Hồ Chí Minh;	5.25
33	Vương Thanh Hà	2173411984	DHCT17 - Tư tưởng Hồ Chí Minh;	4.4
34	Mai Thị Lành	2073190061	DHCT17 - Tư tưởng Hồ Chí Minh;	7.5
35	Ma Thị Thu Thảo	2073190107	DHCT17 - Tư tưởng Hồ Chí Minh;	2.5
36	Nguyễn Thu Giang	2073410221	DHCT17 - Tư tưởng Hồ Chí Minh;	4.4
37	Trần Thị Hoàng Anh	2173810868	DHCT17 - Tư tưởng Hồ Chí Minh;	5.8
38	Đoàn Thảo Nguyên	2073240938	DHCT17 - Tư tưởng Hồ Chí Minh;	2.5
39	Nguyễn Thị Khánh Huyền	2073810286	DHCT17 - Tư tưởng Hồ Chí Minh;	3.5
40	Chu Thuỳ Dương	2073410842	DHCT17 - Tư tưởng Hồ Chí Minh;	1
41	Phạm Hải Anh	2073240217	DHCT17 - Tư tưởng Hồ Chí Minh;	4.4
42	Phạm Trà My	2073410315	DHCT17 - Tư tưởng Hồ Chí Minh;	1.65
43	Nguyễn Thị Thảo	2078131384	DHCT17 - Tư tưởng Hồ Chí Minh;	5.4
44	Lê Nguyễn Ngọc Linh	2073240893	DHCT17 - Tư tưởng Hồ Chí Minh;	1.5
45	Bùi Thị Thu Hiền	2078130713	DHCT17 - Tư tưởng Hồ Chí Minh;	1.5
46	Nguyễn Thị Mai Loan	2073240904	DHCT17 - Tư tưởng Hồ Chí Minh;	4.25
47	Nguyễn Trung Thành	1973240106	DHCT17 - Tư tưởng Hồ Chí Minh;	1
48	Nguyễn Thị Thảo	2078131384	DHDL02 - Quản trị điểm đến;	5.5
49	Ngô Thị Thùy Linh	2078130840	DHDL02 - Quản trị điểm đến;	1.6

ID	Họ và tên sinh viên	Mã sinh viên	Học phần phúc khảo	Điểm sau phúc khảo
50	Lê Thị Dung	2178131018	DHDL02 - Quản trị điểm đến;	6.2
51	Hoàng Thị Thu	2178131286	DHDL53 - Thiết kế và điều hành chương trình du lịch;	0.5
52	Phạm Thị Thiết	2173190099	DHGS05 - Giới trong Dân số và Gia đình;	5.5
53	Mai Thị Lành	2073190061	DHGS07 - Giới trong Chăm sóc sức khỏe;	6.5
54	Phạm Thị Thiết	2173190099	DHGS14 - Lồng ghép giới;	6.5
55	Đào Minh Khôi	2274820179	DHIT04 - Lập trình C++;	1.4
56	Vũ Thùy Linh	2274820092	DHIT10 - Nhập môn cơ sở dữ liệu;	2.5
57	Nguyễn Thị Lệ Hằng	2273190020	DHIT33 - Tin học đại cương;	8
58	Đoàn Thị Linh Chi	2273100163	DHIT33 - Tin học đại cương;	5.5
59	Đào Thị Yến	2273100157	DHIT33 - Tin học đại cương;	4.3
60	Hà Khánh Huyền	2173412220	DHKT04 - Kinh tế lượng;	7
61	Nghiêm Trường Nam	2173410294	DHKT04 - Kinh tế lượng;	8
62	Nguyễn Mai Thuỳ	2173411908	DHKT04 - Kinh tế lượng;	1
63	Đặng Thị Hương Giang	2173410612	DHKT07 - Quản trị tài chính DN;	8
64	Ngô Thị Thùy Linh	2078130840	DHKT07 - Quản trị tài chính DN;	3
65	Phùng Mai Thủy	2073100104	DHKT18 - PT và đầu tư chứng khoán;	4.5
66	Phùng Mai Thủy	2073100104	DHKT19 - Quản trị dự án đầu tư;	5.375
67	Phạm Tùng Dương	1653410029	DHKT30 - Hệ thống thông tin QL (MIS);	3.875
68	Nghiêm Trường Nam	2173410294	DHKT30 - Hệ thống thông tin QL (MIS);	7
69	Đỗ Hà My	2173100689	DHKT30 - Hệ thống thông tin QL (MIS);	5.5
70	Phùng Mai Thủy	2073100104	DHKT49 - Thị trường chứng khoán;	5.8
71	Hoàng Thị Hoá	2173810548	DHLD22 - Pháp luật về bình đẳng giới;	6
72	Nguyễn Thanh Lan	2273810136	DHLD33 - Luật dân sự;	2.5
73	Nguyễn Hồng Nhung	2273810018	DHLD33 - Luật dân sự;	5
74	Chu văn tú	2273810180	DHLD33 - Luật dân sự;	2.5
75	Hoàng Thị Hoá	2173810548	DHLD44 - Luật hôn nhân và gia đình;	6.25
76	Nguyễn Thị Quỳnh Toan	2173241669	DHLD56 - Pháp luật đại cương về truyền thông;	5
77	Nguyễn Hồng Nhung	2273810018	DHLH01 - Luật hành chính;	5.9
78	Chu văn tú	2273810180	DHLH01 - Luật hành chính;	5.4
79	Nguyễn Thanh Lan	2273810136	DHLH01 - Luật hành chính;	5.9
80	Vũ Thị Hương Quỳnh	2173800578	DHLH19 - Luật tố tụng dân sự;	6.5
81	Nông Thiên Hà	2173810859	DHLH22 - Luật tố tụng hình sự;	7
82	Dương Thị Hường	2173810107	DHLH22 - Luật tố tụng hình sự;	5.5
83	Nông Thiên Hà	2173810859	DHLK18 - Luật lao động;	6
84	Hoàng Thị Thuỳ Dương	2173810865	DHLK18 - Luật lao động;	5.5
85	Đỗ Thúy Hằng	2173800579	DHLK18 - Luật lao động;	5.5
86	Phạm Lê Như Hoàng	2173240165	DHMT16 - Vẽ minh họa và TK nhân vật;	6.25
87	Nguyễn Bạch Dương	2173240752	DHMT16 - Vẽ minh họa và TK nhân vật;	4.25
88	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	2173241837	DHMT16 - Vẽ minh họa và TK nhân vật;	6.5
89	Nguyễn Thị Quỳnh Toan	2173241669	DHMT16 - Vẽ minh họa và TK nhân vật;	6.5
90	Nguyễn Trà Linh	2173241846	DHMT16 - Vẽ minh họa và TK nhân vật;	5
91	Phạm Thị Phương	2173241841	DHMT16 - Vẽ minh họa và TK nhân vật;	7
92	Nguyễn Tú Dạ Thảo	2173231758	DHMT16 - Vẽ minh họa và TK nhân vật;	7
93	Lê Nguyễn Ngọc Linh	2073240893	DHMT22 - Đồ họa chuyển động 3D;	5.75
94	Nguyễn Ánh Quyên	2173241875	DHMT28 - Kỹ xảo đa phương tiện;	4
95	Phạm Lê Như Hoàng	2173240165	DHMT28 - Kỹ xảo đa phương tiện;	6.125
96	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	2173241837	DHMT28 - Kỹ xảo đa phương tiện;	5.75
97	Nguyễn Thị Quỳnh Toan	2173241669	DHMT28 - Kỹ xảo đa phương tiện;	5.625
98	Phạm Hà My	2173241514	DHMT28 - Kỹ xảo đa phương tiện;	3.5
99	Trần Thanh Vân	2173241863	DHMT28 - Kỹ xảo đa phương tiện;	6.25
100	Nguyễn Tú Dạ Thảo	2173231758	DHMT28 - Kỹ xảo đa phương tiện;	5.625
101	Ngô Thị Thanh Bình	2173241828	DHMT28 - Kỹ xảo đa phương tiện;	6
102	Phạm Ngọc Thủy	2173411915	DHNC01 - Phương pháp NCKH;	6.5

ID	Họ và tên sinh viên	Mã sinh viên	Học phần phúc khảo	Điểm sau phúc khảo
103	Phùng Mai Thủy	2073100104	DHNT27 - Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế 2;	5.2
104	Chu Phương Thảo	2273100073	DHPR03 - Marketing căn bản;	2.15
105	Vũ Bùi Bích Dương	2273100026	DHPR03 - Marketing căn bản;	2
106	Vũ Thu Hà	2273410178	DHPR08 - Quản trị Marketing;	2.2
107	Lê Minh Anh	2073410619	DHPR12 - Quản trị chuỗi cung ứng;	0.5
108	Hoàng Diệu Vy	2178131361	DHTH05 - Quản trị nguồn nhân lực;	8
109	Đỗ Thị Trà Mi	2173411801	DHTH05 - Quản trị nguồn nhân lực;	6.5
110	Ngô Minh Nga	2173411816	DHTH05 - Quản trị nguồn nhân lực;	6
111	Phạm Ngọc Thủy	2173411915	DHTH05 - Quản trị nguồn nhân lực;	7
112	Nghiêm Trường Nam	2173410294	DHTH05 - Quản trị nguồn nhân lực;	5
113	Lê Thị Dung	2178131018	DHTH05 - Quản trị nguồn nhân lực;	7.5
114	Chu Diệu Anh	2173411603	DHTH05 - Quản trị nguồn nhân lực;	4.8
115	Phạm Thu Nga	2173411287	DHTH34 - Quản trị chất lượng;	0.5
116	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	2173411637	DHTH34 - Quản trị chất lượng;	2.9
117	Phạm Ngọc Thủy	2173411915	DHTH34 - Quản trị chất lượng;	3.65
118	Trần Thị Lan Anh	2173411630	DHTH34 - Quản trị chất lượng;	3.15
119	Ngô Thị Thùy Linh	2078130840	DHTH34 - Quản trị chất lượng;	2.5
120	Nguyễn Mai Thuỳ	2173411908	DHTH34 - Quản trị chất lượng;	2.5
121	Lê Bảo Linh	2173411766	DHTH35 - Thay đổi và phát triển doanh nghiệp;	1.5
122	Phạm Ngọc Thủy	2173411915	DHTH35 - Thay đổi và phát triển doanh nghiệp;	4
123	Chu Diệu Anh	2173411603	DHTH35 - Thay đổi và phát triển doanh nghiệp;	5.1
124	Phạm Thu Trang	2173411288	DHTH35 - Thay đổi và phát triển doanh nghiệp;	1
125	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	2173411769	DHTH35 - Thay đổi và phát triển doanh nghiệp;	1.5
126	Phạm Minh Quân	2173240379	DHTL05 - Tâm lý học truyền thông;	3.5
127	Đỗ Hà My	2173100689	DHTL57 - Tâm lý học kinh tế;	4.3
128	Nguyễn Thị Trà Giang	2273240106	DHVH02 - Cơ sở văn hóa Việt Nam;	3
129	ĐẬU THỊ MINH TÂM	2273240305	DHVH02 - Cơ sở văn hóa Việt Nam;	4
130	Kim Thuỷ Thuỳ Dương	2173240113	DHVH11 - Quan hệ công chúng;	6
131	Lê Thi Dung	2178131018	Văn hoá nghệ thuật ẩm thực	6.5